

SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC DỰ ÁN NHẪM PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ CHO HỌC SINH LỚP 8 TRONG DẠY HỌC ĐỌC HIỂU VĂN BẢN NHẬT DỤNG

Nguyễn Thị Yến

Trường Trung học Cơ sở & Trung học Phổ thông Nguyễn Siêu

Tóm tắt. Bài viết đã mô tả lại định nghĩa năng lực giải quyết vấn đề với những năng lực thành phần, phân biệt với các năng lực chung khác. Đồng thời tác giả cũng định hướng thiết kế quy trình xây dựng và thực hiện dự án trong dạy học đọc hiểu văn bản nhật dụng nhằm phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh lớp 8. Đây là một trong những con đường, biện pháp đổi mới tích cực nhằm phát triển năng lực cho người học cũng như tăng hứng thú, động cơ học tập đối với bộ môn Ngữ văn, từ đó nâng cao chất lượng dạy và học.

Từ khóa: Văn bản nhật dụng, năng lực giải quyết vấn đề, dạy học theo dự án.

1. Mở đầu

Văn bản nhật dụng (VBND) thuộc nhóm văn bản quan trọng được dạy trong chương trình Ngữ Văn phổ thông hiện nay. VBND có tính cập nhật, kịp thời đáp ứng yêu cầu của cuộc sống hàng ngày và xã hội hiện đại. Chính vì thế, dạy học nhóm văn bản này sẽ tạo điều kiện tích cực giúp HS thâm nhập cuộc sống thực tế, hoà nhập với xã hội, hình thành năng lực giải quyết những vấn đề thực tiễn.

Năm 2007, cuốn sách *Mấy vấn đề về giảng dạy môn phương pháp dạy học Ngữ văn trong chương trình Cao đẳng sư phạm mới* của tác giả Trần Đình Trung (NXB Sư phạm Hà Nội) trình bày cụ thể về những định hướng trong dạy học VBND [1]. Năm 2010, luận văn thạc sĩ *Phương pháp dạy và học văn bản nhật dụng ở trường Trung học cơ sở* của tác giả Nguyễn Thị Thanh Minh đã trình bày một số phương pháp (PP) dạy và học VBND. Tuy nhiên, các PP dạy và học đó chưa tiếp cận với việc hình thành và phát triển năng lực cho HS [2].

Năm 2014, luận văn thạc sĩ *Vận dụng quy trình bài học trong mô hình Trường học mới (VNEN) vào việc dạy học đọc hiểu văn bản nhật dụng ở lớp 7* của tác giả Trịnh Thị Hồng Hạnh đã xây dựng quy trình dạy học các bài đọc hiểu văn bản nhật dụng trên tinh thần ứng dụng mô hình trường học mới Việt Nam (VNEN) [3].

Nhìn chung, có nhiều công trình nghiên cứu về dạy học VBND, nhưng trong bộ môn Ngữ văn thì chưa có công trình nào nghiên cứu về phát triển năng lực giải quyết vấn đề (NLGQVĐ) cho HS trong dạy học đọc hiểu VBND. Trong bài viết này, chúng tôi lựa chọn đề tài “*Sử dụng phương pháp dạy học dự án nhằm phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh lớp 8 trong dạy học đọc hiểu văn bản nhật dụng*” nhằm đề xuất một phương pháp hiệu quả phát triển NLGQVĐ cho người học và góp phần nâng cao chất lượng dạy học bộ môn.

Ngày nhận bài: 1/3/2019. Ngày sửa bài: 2/6/2019. Ngày nhận đăng: 2/7/2019.

Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Yến. Địa chỉ e-mail: yennguyen.09@nguyensieu.edu.vn

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái niệm năng lực giải quyết vấn đề

Theo OECD (2012) định nghĩa, NLGQVĐ là “khả năng của một cá nhân hiểu và giải quyết tình huống có vấn đề khi mà giải pháp giải quyết chưa rõ ràng. Nó bao hàm sự sẵn sàng tham gia vào các tình huống tương tự để đạt được tiềm năng của mình như một công dân tích cực và xây dựng” [4].

NLGQVĐ còn có thể hiểu là khả năng vận dụng những hiểu biết và xúc cảm để phát hiện vấn đề và tìm ra giải pháp, tiến hành giải quyết vấn đề một cách hiệu quả, tự đánh giá, điều chỉnh quá trình giải quyết vấn đề của một cá nhân nào đó.

Theo tác giả Lê Đình Trung và Phan Thị Thanh Hội (2016), cấu trúc của năng lực giải quyết vấn đề gồm 4 kỹ năng chính: kỹ năng phát hiện vấn đề; kỹ năng thiết lập không gian và hình thành giả thuyết khoa học; kỹ năng lập kế hoạch và tiến hành giải quyết vấn đề; kỹ năng đánh giá giải pháp và tự điều chỉnh [5].

Từ đó, chúng ta có thể hiểu bản chất của NLGQVĐ là khả năng vận dụng một cách hiệu quả kiến thức, kỹ năng đã có cùng thái độ thực hiện phù hợp của mỗi cá nhân để giải quyết những tình huống có vấn đề mà ở đó không có sẵn cách thức hay giải pháp thông thường.

2.2. Các thành tố của năng lực giải quyết vấn đề

Theo Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể (2018), NLGQVĐ ở cấp THCS được thể hiện qua những tiêu chí cụ thể sau [6]:

- Biết xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới; biết phân tích, tóm tắt những thông tin liên quan từ nhiều nguồn khác nhau.
- Phân tích được tình huống trong học tập; phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập.
- Phát hiện yếu tố mới, tích cực trong những ý kiến của người khác; hình thành ý tưởng dựa trên các nguồn thông tin đã cho; đề xuất giải pháp cải tiến hay thay thế các giải pháp không còn phù hợp; so sánh và bình luận được về các giải pháp đề xuất.
- Xác định được và biết tìm hiểu các thông tin liên quan đến vấn đề; đề xuất được giải pháp giải quyết vấn đề.
- Lập được kế hoạch hoạt động với mục tiêu, nội dung, hình thức hoạt động phù hợp; biết phân công nhiệm vụ phù hợp cho các thành viên tham gia hoạt động; đánh giá được sự phù hợp hay không phù hợp của kế hoạch, giải pháp và việc thực hiện kế hoạch, giải pháp.
- Biết đặt các câu hỏi khác nhau về một sự vật, hiện tượng, vấn đề; biết chú ý lắng nghe và tiếp nhận thông tin, ý tưởng với sự cẩn nhắc, chọn lọc; biết quan tâm tới các chứng cứ khi nhìn nhận, đánh giá sự vật, hiện tượng; biết đánh giá vấn đề, tình huống dưới những góc nhìn khác nhau.

2.3. Ý nghĩa của việc hình thành và phát triển năng lực giải quyết vấn đề đối với người học

Việc phát triển năng lực giải quyết vấn đề giúp HS hình thành kỹ năng giao tiếp, tổ chức, khả năng tư duy lô gíc, tinh thần hợp tác, hoà nhập cộng đồng; chủ động, sáng tạo trong việc xử lí các tình huống, vấn đề nảy sinh trong quá trình tìm hiểu tri thức mới cũng như vận dụng linh hoạt tri thức đã học nhằm giải quyết vấn đề trong thực tiễn một cách hiệu quả, khoa học. Từ đó HS được nâng cao nhận thức và có hành động thiết thực trong đời sống thực tiễn, góp phần cải thiện đời sống.

Phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh sẽ giúp rút ngắn khoảng cách giữa giáo dục phổ thông với giáo dục đại học, giữa giáo dục hàn lâm và đời sống thực tế, giữa lý thuyết và thực hành, giữa tri thức khoa học và đời sống thực tiễn.

Bên cạnh đó, việc phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh còn góp phần hình thành và bồi dưỡng những phẩm chất cần thiết của người lao động thời đại mới, của công dân toàn cầu thế kỉ XXI: đó là tính kiên trì, vượt khó, khắc phục khó khăn, chủ động tìm tòi sáng tạo.

Đối với GV, thông qua việc hình thành và phát triển NLGQVĐ cho HS, GV có thể đánh giá một cách khá chính xác khả năng tiếp thu của HS và trình độ tư duy của họ, tạo điều kiện cho việc phân loại HS một cách khách quan. Từ đó, GV định hướng kiến thức cần thiết cho HS; điều chỉnh, uốn nắn những nhận thức sai lệch, chưa chuẩn xác. Đồng thời, giúp GV dễ dàng biết được khả năng vận dụng những lý thuyết đã học vào thực tiễn xã hội của HS nhằm có phương pháp tác động giúp HS phát triển năng lực này trong giai đoạn tiếp theo.

NLGQVĐ là tổng hợp của nhiều năng lực thành phần nên việc phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh sẽ giúp nâng cao chất lượng dạy học trong nhà trường. Trong chương trình giáo dục phổ thông mới, NLGQVĐ là một trong các năng lực cốt lõi mà ở các cấp học và các môn học đều hướng tới hình thành và phát triển cho người học. Do vậy, mỗi giáo viên đều cần phải thiết kế các hoạt động học tập hướng tới phát triển năng lực này.

2.4. Khái niệm và đặc trưng của văn bản nhật dụng

VBND không phải là một khái niệm chỉ loại thể, hoặc chỉ kiểu văn bản. Nói đến VBND trước hết là nói đến tính chất nội dung của văn bản. Những văn bản đó có nội dung gần gũi, bức thiết đối với cuộc sống của con người và cộng đồng trong xã hội hiện đại như: thiên nhiên, môi trường, năng lượng, dân số, quyền trẻ em, ma túy... VBND có thể dùng tất cả các thể loại cũng như các kiểu văn bản và phương thức biểu đạt để truyền tải nội dung cần thiết. Nếu các văn bản văn chương nghệ thuật lấy hình thức kiểu văn bản và thể loại làm tiêu chí lựa chọn, thì VBND được lựa chọn theo tiêu chí nội dung như đã nêu. Vì thế, VBND có thể thuộc bất cứ kiểu văn bản hoặc bất cứ thể loại nào.

Đặc trưng của VBND thể hiện trên hai phương diện: nội dung và hình thức.

✓ Về nội dung: các VBND thường đề cập đến các đề tài nóng hổi, có tính cập nhật, gắn với cuộc sống bức thiết hằng ngày, gắn với những vấn đề cơ bản, gần gũi; nhận được sự quan tâm của cộng đồng xã hội, được các phương tiện thông tin đại chúng nhắc đến; có thể là những nghị quyết, chỉ thị của Đảng và nhà nước, của nhiều thông báo, công bố của các tổ chức quốc tế...

✓ Về hình thức: các VBND có thể sử dụng kết hợp nhiều phương thức biểu đạt nhằm truyền tải nội dung. Hình thức của VBND rất đa dạng, có thể là thể loại tùy bút, bút kí, truyện ngắn, thông báo, tuyên bố...

2.5. Mối quan hệ giữa phát triển năng lực giải quyết vấn đề và dạy học đọc hiểu văn bản nhật dụng

NLGQVĐ là một năng lực chung, được đánh giá chủ yếu ở các kĩ năng: phát hiện vấn đề; phân tích vấn đề và hình thành giả thuyết khoa học; đề xuất giải pháp giải quyết vấn đề; vận dụng giải pháp và đánh giá, điều chỉnh. Thông qua việc thực hiện các nhiệm vụ học tập, HS đã vận dụng kiến thức, kĩ năng học được một cách linh hoạt để giải quyết có hiệu quả các vấn đề học tập trong các ngữ cảnh, tình huống thực tiễn; giúp cho người học không những thông hiểu kiến thức mà còn biết vận dụng kiến thức vào thực tiễn một cách sáng tạo.

Một đặc điểm nổi bật nhất của VBND chính là việc đề cập đến những vấn đề gần gũi, bức thiết, có tính thời sự, cập nhật đối với con người và cộng đồng xã hội như môi trường, dân số, tệ nạn xã hội, quyền trẻ em, hôn nhân và hạnh phúc gia đình,... Mỗi VBND bao giờ cũng đặt ra một vấn đề “nóng” đã và đang được xã hội quan tâm. Vì thế, xét đến cùng, mục tiêu quan trọng của dạy học đọc hiểu VBND chính là định hướng và rèn luyện kĩ năng tìm hiểu, phân tích và đề xuất những giải pháp giải quyết cho những vấn đề xảy ra trong thực tiễn đời sống hàng ngày để từ đó có thể vận dụng vào tình huống cụ thể cho người học. Có thể nói rằng, đây chính là ưu điểm của VBND so với văn bản nghệ thuật được học trong chương trình Ngữ văn ở mỗi nhà trường, rút

ngắn khoảng cách giữa văn học và thực tế, giữa lý thuyết và thực hành, giữa học và hành. Mục tiêu này có nhiều điểm tương đồng với vai trò, ý nghĩa của NLGQVĐ.

Như vậy nếu người dạy thực hiện những phương pháp hiệu quả trong quá trình dạy học đọc hiểu VBND thì sẽ góp phần quan trọng hình thành và phát triển NLGQVĐ cho người học đối với chính những vấn đề đặt ra trong mỗi VBND được học. Đồng thời, việc hình thành và phát triển NLGQVĐ cho HS thông qua dạy đọc hiểu VBND sẽ góp phần quan trọng giúp người học tăng cường kỹ năng tìm hiểu, phân tích, đề xuất giải pháp và tiến hành vận dụng đối với bất kỳ một vấn đề thực tế đặt ra trong đời sống nói chung và môn Ngữ văn nói riêng.

2.6. Vận dụng phương pháp dạy học dự án trong dạy học đọc hiểu văn bản nhật dụng nhằm phát triển năng lực giải quyết vấn đề của học sinh lớp 8

2.6.1. Khái quát về phương pháp dạy học dự án

Dạy học theo dự án đòi hỏi HS cần tự lực, chủ động và tham gia tích cực vào các giai đoạn của quá trình dạy học, đồng thời đòi hỏi và khuyến khích tính trách nhiệm, sự sáng tạo của người học. GV chủ yếu đóng vai trò tư vấn, hướng dẫn và trợ giúp người học tự lực giải quyết một nhiệm vụ học tập mang tính phức hợp không chỉ về mặt lý thuyết mà đặc biệt về việc giải quyết những tình huống trong thực tế, thông qua đó tạo ra các sản phẩm học tập và thực hành có thể giới thiệu, công bố được. Tuy nhiên, mức độ tự lực cần phù hợp với năng lực, khả năng của người học và mức độ khó khăn của nhiệm vụ học tập.

Hình thức dạy học theo dự án rất phù hợp để khai thác những vấn đề thực tiễn được đặt ra trong các VBND, như là: môi trường, dân số, tệ nạn xã hội, quyền trẻ em... Dạy học theo dự án hướng tới các vấn đề của thực tiễn, gắn kết nội dung của các VBND với cuộc sống thực tế.

Không chỉ thế, học tập qua dự án giúp phát triển cho người học kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề; kỹ năng tư duy bậc cao (phân tích, tổng hợp, đánh giá) về một vấn đề; đồng thời rèn luyện nhiều kỹ năng (tổ chức kiến thức, kỹ năng sống, kỹ năng làm việc theo nhóm, giao tiếp, kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin vào quá trình học tập và tạo ra sản phẩm...) cho người học.

2.6.2. Tiến trình tổ chức dạy học dự án nhằm phát triển năng lực giải quyết vấn đề

2.6.2.1. Xác định vấn đề, xây dựng mục tiêu của dự án

Để xác định mục tiêu dự án này, trước hết cần xác định rõ các chuẩn kiến thức, kỹ năng của từng bài học cụ thể hay nói cách khác là mức độ cần đạt của các bài học đã được quy định.

TÊN BÀI	YÊU CẦU CẦN ĐẠT
<i>Bài toán dân số</i>	- Xác định được sự cần thiết của việc hạn chế gia tăng dân số trong quá trình phát triển của loài người. - Chỉ ra và nhận xét được cách thể hiện quan điểm của người viết.
<i>Ôn dịch, thuốc lá</i>	- Chỉ ra và phân tích được tác hại của việc hút thuốc lá đối với đời sống cá nhân và cộng đồng. - Xác định và trình bày được quyết tâm phòng chống thuốc lá
<i>Thông tin về ngày Trái Đất năm 2000</i>	- Chỉ ra và phân tích được những nguyên nhân gây hại đối với môi trường của việc sử dụng bao bì ni lông. - Nhận biết được những việc làm cần thiết để cải thiện môi trường sống, bảo vệ Trái Đất.

Dựa trên mức độ cần đạt đã được quy định đối với mỗi bài học trên chúng tôi xác định mục tiêu cụ thể của dự án văn bản nhật dụng lớp 8 như sau:

MỤC TIÊU DỰ ÁN

Thực hiện dự án này học sinh sẽ đạt được những mục tiêu sau:

- HS hệ thống hóa kiến thức cơ bản và đưa ra được quan điểm, nhận định riêng về VBND trong chương trình Ngữ Văn 8; nhận diện được những thông tin về các vấn đề có tính thực tiễn trong đời sống: dân số, tệ nạn xã hội (thuốc lá), môi trường (hạn chế sử dụng túi ni lông).
- ✓ Xác định được sự cần thiết của việc hạn chế gia tăng dân số trong quá trình phát triển của loài người
- ✓ Chỉ ra và phân tích được tác hại của việc hút thuốc lá đối với đời sống cá nhân và cộng đồng.
- ✓ Chỉ ra và phân tích được những nguyên nhân gây hại đối với môi trường của việc sử dụng bao bì ni lông.
- HS rèn luyện kỹ năng đọc hiểu VBND, từ đó có khả năng đọc hiểu các VBND ngoài chương trình.
- HS hình thành và phát triển năng lực giải quyết vấn đề: xác định, tìm hiểu, phân tích được các vấn đề thực tiễn đặt ra từ các VBND; đưa ra các giải pháp nhằm giải quyết các vấn đề đó; tiến hành thực hiện giải pháp; đánh giá tính hiệu quả của giải pháp và có điều chỉnh (nếu cần thiết).
- HS được rèn luyện kỹ năng hợp tác nhóm, kỹ năng công nghệ thông tin, kỹ năng thuyết trình, phân biện...
- HS có ý thức chủ động trong việc tìm hiểu, tìm kiếm thông tin và đề xuất giải pháp đối với những vấn đề hạn chế sự gia tăng dân số, phòng chống thuốc lá, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường được đặt ra trong 3 VBND. Từ đó, mỗi HS có được sự hứng thú với môn học Ngữ Văn.
- Dự án góp phần hình thành và phát triển năng lực chung cần thiết cho HS: Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, năng lực giao tiếp, năng lực tự học, năng lực công nghệ thông tin; góp phần phát triển năng lực chuyên biệt: năng lực ngôn ngữ.

2.6.2.2. Quy trình thực hiện dự án

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Yêu cầu cần đạt
Hoạt động 1: Xác định vấn đề, xây dựng ý tưởng dự án (2 tiết của tuần 1)		
<p>GV giới thiệu về dự án học tập VBND:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong chương trình sách giáo khoa Ngữ Văn lớp 8, tập 1, HS được học 3 VBND, đó là: “Bài toán dân số”; “Ôn dịch, thuốc lá”; “Thông tin về ngày Trái Đất năm 2000”. Cả 3 văn bản này đều đề cập đến những yếu tố tiêu cực ảnh hưởng đến đời sống con người như gia tăng dân số, hút thuốc lá, sử dụng túi ni lông. Bởi thế, việc thực hiện dự án học tập về các VBND này, chúng ta sẽ cùng nhau đưa ra các giải pháp hiệu quả nhằm giải quyết vấn đề thực tế được đặt ra trong mỗi văn bản đó. - Thời gian thực hiện dự án: 	<p>HS lắng nghe GV phổ biến dự án học tập.</p>	<p>Giới thiệu được dự án về VBND: Ba văn bản này đề cập đến những vấn đề bức thiết, gần gũi của xã hội: Môi trường, tệ nạn xã hội, dân số.</p> <p>Trong phiếu khảo sát nhu cầu học tập, tìm hiểu các vấn đề trong VBND, GV chú ý đặt ra những vấn đề thu hút được sự quan tâm của HS; đặt ra những nhiệm vụ phù hợp với đặc điểm nhận thức và tâm lí của các con</p> <p>HS lựa chọn được nhóm và xác định nhiệm vụ phù hợp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát hiện những vấn đề mang tính thời sự, thực tế, hấp dẫn từ các văn bản nêu

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Yêu cầu cần đạt
<p>thực hiện trong 4 tuần, bắt đầu từ tuần 11 và kết thúc vào tuần 14, mỗi tuần 2 tiết. Tổng thời lượng là 8 tiết, trong đó 6 tiết triển khai thực hiện; 2 tiết báo cáo, đánh giá sản phẩm dự án.</p> <p>- Để thực hiện được dự án, HS cần chuẩn bị: sách giáo khoa, tư liệu từ nhiều nguồn khác nhau (báo chí, internet,...), máy tính (nếu cần thiết), giấy khổ lớn, bút dạ, bút màu... (chuẩn bị theo nhóm, tùy vào hình thức trình bày sản phẩm của từng nhóm)</p> <p>GV phát phiếu khảo sát nhu cầu học tập cho HS (Phiếu khảo sát dựa trên nhu cầu tìm hiểu các vấn đề thực tiễn được đặt ra trong các VBND); từ đó phân chia nhóm dựa trên kết quả khảo sát. Những HS có cùng nhu cầu tìm hiểu về một vấn đề thực tiễn sẽ về cùng 1 nhóm (mỗi nhóm tối đa 6 HS)</p> <p>GV sẽ công bố danh sách nhóm, triển khai nhiệm vụ cho các nhóm và xây dựng hợp đồng làm việc với các nhóm.</p> <p>GV hướng dẫn HS xác định mục tiêu của dự án học tập 3 VBND; mỗi nhóm HS xác định vấn đề cần giải quyết đặt ra từ mỗi VBND, từ đó xác định sản phẩm học tập của dự án.</p>	<p>HS chủ động chuẩn bị tài liệu học tập (theo nhóm)</p> <p>HS điền phiếu khảo sát, phiếu đăng kí phù hợp với nhu cầu tìm hiểu các vấn đề thực tiễn đặt ra trong các VBND của bản thân.</p> <p>HS xác định nhóm, bầu nhóm trưởng, nhận nhiệm vụ. Các nhóm xây dựng bản kế hoạch và phân công nhiệm vụ.</p> <p>- HS đọc văn bản phát hiện những vấn đề mang tính thời sự, hấp dẫn, liên hệ giữa nội dung bài học.</p> <p>- Lựa chọn ý tưởng hay, khả thi nhất nhằm giải quyết vấn đề đặt ra từ mỗi VBND, từ đó xác định sản phẩm học tập của dự án.</p> <p>- Đặt tên cho dự án</p>	<p>trên:</p> <ul style="list-style-type: none"> ✓ Tác hại của thuốc lá ✓ Gia tăng dân số ✓ Tác hại của việc sử dụng túi ni lông. <p>- Xây dựng các ý tưởng dự án và lựa chọn ý tưởng hay nhất, khả thi nhất.</p> <p>- Đặt tên cho dự án; xác định sản phẩm học tập của dự án.</p>
<p>Hoạt động 2: Triển khai dự án để giải quyết vấn đề đặt ra (4 tiết, tuần 2 và tuần 3)</p>		
Thiết kế các hoạt động dạy học,	Dựa trên bộ câu hỏi định	HS xây dựng được kế hoạch

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Yêu cầu cần đạt
<p>bộ câu hỏi định hướng (phụ lục 1); xây dựng các nhiệm vụ trong dự án; chuyển giao các nhiệm vụ trong dự án tới HS; chia nhóm, phân công nhiệm vụ cho các nhóm và đề các nhóm bầu trưởng nhóm; lựa chọn các công cụ hỗ trợ (các nguồn tài liệu, các trang web, máy tính, kính phi); xây dựng, thiết kế công cụ đánh giá: bao gồm phiếu đánh giá quá trình hoạt động trong dự án của HS (phụ lục 2) và phiếu đánh giá sản phẩm dự án (phụ lục 3).</p> <p>Hướng dẫn HS phân chia công việc trong nhóm: các thành viên trong nhóm cùng tìm kiếm thông tin, sau đó 02 HS biên tập nội dung thông tin, 02 HS phụ trách kĩ thuật và hình thức trình bày; 02 HS phụ trách kiểm duyệt và thuyết trình.</p> <p>Bắt đầu tuần 3, GV định hướng, hỗ trợ, điều chỉnh các hoạt động của HS. GV có thể phân chia lại HS theo nhóm nếu như các nhóm không có sự cân bằng hoặc xảy ra mâu thuẫn.</p> <p>GV thu thập và giải đáp thắc mắc cho HS trong quá trình thực hiện nhiệm vụ và cung cấp tài liệu bổ trợ cần thiết cho HS vào đầu tuần 2.</p> <p>GV quản lí, nghe các trưởng nhóm báo cáo tình hình thực hiện dự án; đánh giá các hoạt động của HS trong quá trình thực hiện nhiệm vụ và thông báo kịp thời để HS có cơ hội tiên bộ, cải thiện kết quả.</p> <p>GV tư vấn, hỗ trợ, theo dõi tiến độ thực hiện đã cam kết của các nhóm, đánh giá các sản phẩm trung gian.</p>	<p>hướng, các nhóm phân chia nhiệm vụ theo năng lực và sở thích của các thành viên; trưởng nhóm ghi chú lại công việc đã phân công, từ đó quản lí, đốc thúc các thành viên thực hiện.</p> <p>Các nhóm xây dựng kế hoạch thực hiện; thu thập các tài liệu hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ; các thành viên đóng góp ý kiến để giải quyết vấn đề và dự kiến sản phẩm.</p> <p>Mỗi thành viên trong nhóm chủ động tìm kiếm tài liệu trong thời gian quy định và nộp về ban biên tập nội dung trong tuần 2 của dự án.</p> <p>✓ HS biên tập nội dung: chọn lọc thông tin và tập hợp thành một bản nội dung tổng thể hoàn chỉnh, chuyển lại cho nhóm HS phụ trách kĩ thuật và hình thức vào cuối tuần 2 của dự án.</p> <p>✓ HS phụ trách kĩ thuật và hình thức trình bày: nhận nội dung biên tập; thiết kế hình thức trình bày cho nội dung đó, chuyển lại nội dung cho HS thuyết trình vào giữa tuần 3.</p> <p>✓ HS phụ trách thuyết trình: nhận bài hoàn chỉnh và luyện tập phần trình bày trước cả lớp vào cuối tuần 3.</p> <p>+ HS các nhóm sẽ tập hợp lại để thảo luận và tiến hành hoàn thiện sản phẩm của dự án; nhóm trưởng có nhiệm vụ nhắc nhở các thành viên hoàn thành công việc đúng thời hạn.</p>	<p>cụ thể để triển khai dự án; mỗi HS đều có nhiệm vụ của mình phù hợp, không có HS không có nhiệm vụ.</p> <p>HS được GV tư vấn về các công cụ, nguồn tư liệu hỗ trợ nhằm tìm ra cách thức giải quyết vấn đề đặt ra từ các VBND.</p> <p>- Xác định các kênh thông tin, tập hợp tài liệu hỗ trợ dự án:</p> <p>✓ Tài liệu giấy: Sách, báo, văn bản pháp luật về chủ quyền biển đảo, tạp chí,...</p> <p>✓ Tài liệu kĩ thuật số: CD, video, phim tài liệu, bản ghi âm,...</p> <p>✓ Internet</p> <p>- GV xây dựng bộ câu hỏi định hướng của dự án giúp HS không đi sai hướng, sai mục tiêu của dự án.</p> <p>HS cần có ý thức trách nhiệm trong quá trình thực hiện dự án; chủ động tìm kiếm sự tư vấn, hỗ trợ từ GV và các thành viên trong nhóm nếu gặp khó khăn; đồng thời quan sát, đánh giá khách quan, chi tiết, đảm bảo sự công bằng thông qua các công cụ đánh giá quá trình thực hiện.</p> <p>GV cần sẵn sàng tư vấn, hỗ trợ và nhắc nhở HS khi cần thiết; đánh giá quá trình thực hiện dự án của HS theo bộ công cụ đã thiết kế. Giữa HS và GV đòi hỏi có sự tương tác liên tục, không chỉ trong tiết học mà còn ngoài tiết học.</p>

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Yêu cầu cần đạt
	HS sẽ tiến hành đánh giá chéo cho nhau, giữa nhóm trưởng và các thành viên trong cùng một nhóm và các nhóm trong lớp.	
Hoạt động 2: Hoạt động báo cáo kết quả dự án, đề xuất giải pháp nhằm giải quyết vấn đề, đánh giá và điều chỉnh (2 tiết, tuần 4)		
GV thu sản phẩm dự án của HS, lắng nghe, quan sát và đánh giá; đưa ra những tư vấn, điều chỉnh cần thiết để HS hoàn thiện sản phẩm; rút kinh nghiệm sau dự án. GV đánh giá sản phẩm dựa trên bảng mô tả các tiêu chí cụ thể.	Các nhóm tập hợp sản phẩm dự án (theo nhiệm vụ của từng nhóm), thuyết trình về sản phẩm của mình trước GV và HS trong lớp. Các nhóm có đánh giá sản phẩm theo bảng mô tả các tiêu chí do GV thiết kế. Sau đó, các nhóm chỉnh sửa sản phẩm (nếu cần), hoàn chỉnh và gửi lại cho GVBM.	HS công bố được các sản phẩm học tập và đề xuất được các giải pháp để giải quyết vấn đề đặt ra từ khi bắt đầu thực hiện dự án; thực hiện và điều chỉnh giải pháp nếu cần thiết.

2.6.3. Những lưu ý khi vận dụng dạy học theo dự án trong dạy học đọc hiểu văn bản nhật dụng nhằm phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh lớp 8

GV cần đưa ra các vấn đề thực tế: Các vấn đề thực tế đang diễn ra có nhiều khả năng thu hút được sự quan tâm của HS. Khi người học được học được chủ động tìm hiểu và đề xuất cách thức xử lí, giải quyết một vấn đề nào đó trong đời sống, hiệu quả đọc hiểu VBND cũng như hứng thú học tập với bộ môn sẽ tăng lên.

GV trao quyền xây dựng ý tưởng dự án cho người học: HS được trao quyền đề xuất và xây dựng ý tưởng; được quyền phản hồi về ý tưởng dự án mà GV đưa ra.

GV cần dành một khoảng thời gian để cải thiện dự án: mặc dù dự án có thời điểm bắt đầu và kết thúc rõ ràng nhưng cũng có thể có những ngoại lệ. GV nên dành thời gian cho HS khi mà các em vẫn còn những băn khoăn, thắc mắc, khó khăn về dự án của mình thông qua việc nhận thông tin phản hồi và đồng ý sửa đổi đề tài dự án. Người học có thể học hỏi từ những thất bại và quay lại với dự án của mình theo một con đường khác thích hợp hơn.

GV cần khuyến khích làm việc nhóm thực sự trong quá trình thực hiện dự án. HS cần hiểu làm việc nhóm có trách nhiệm quan trọng như thế nào và tại sao một nhóm tốt là phải khai thác được tài năng của tất cả các thành viên trong nhóm.

Đề HS thuyết trình bảo vệ kết quả dự án sẽ giúp phát triển sự tự tin và bản lĩnh của các em. Triển lãm dự án cũng giúp các bậc phụ huynh và các thành viên khác trong cộng đồng có cơ hội nhìn nhận những gì mà HS đang học tập và tìm hiểu.

3. Kết luận

Sử dụng PP dạy học theo dự án là một trong những phương pháp tích cực, hiệu quả nhằm phát triển NLGQVĐ cho HS lớp 8 trong dạy học đọc hiểu VBND. Mỗi GV cần chú ý trau dồi chuyên môn nghiệp vụ, xây dựng kế hoạch dạy học và tiến trình lên lớp cụ thể, tỉ mỉ để có thể khơi dậy hứng thú bộ môn và phát triển năng lực tiềm ẩn trong mỗi HS.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Trần Đình Trung, 2007. *Mấy vấn đề về giảng dạy môn phương pháp dạy học Ngữ văn trong chương trình Cao đẳng sư phạm mới*. Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [2] Nguyễn Thị Thanh Minh, 2010. *Phương pháp dạy và học văn bản nhật dụng ở trường Trung học cơ sở*. Luận văn thạc sĩ Giáo dục học, Trường Đại học Sư Phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
- [3] Trịnh Thị Hồng Hạnh, 2014. *Vận dụng quy trình bài học trong mô hình Trường học mới (VNEN) vào việc dạy học đọc hiểu văn bản nhật dụng ở lớp 7*. Luận văn thạc sĩ Sư Phạm Ngữ văn, Trường Đại học Giáo dục.
- [4] OECD, 2010. PISA, 2012. *Field Trial Problem Solving Framework*.
- [5] Lê Đình Trung (chủ biên) - Phan Thị Thanh Hội, 2016. *Dạy học theo định hướng hình thành và phát triển năng lực người học ở trường phổ thông*. Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [6] Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018. *Dự thảo Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể*.

ABSTRACT

Using project-based teaching methods to develop problem-solving capacity for grade 8 students in daily-used documents reading comprehension

Nguyen Thi Yen

Nguyen Sieu Secondary & High school

This paper describes the definition of problem solving competency with basic features, which is different from other common competencies. Besides, the author also gives an orientation in designing the process of planning and doing projects in teaching Practical texts reading comprehension, in order to develop the problem solving competencies for grade 8 students. This is one of the active and innovating methods to expand learning competencies as well as increase the inspiration and motivation in studying literature, that promote teaching and learning quality.

Key words: Practical Texts, problem solving capacity, project based teaching.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Bộ câu hỏi định hướng của dự án

Câu hỏi khái quát	- VBND lớp 8 có ý nghĩa như thế nào trong việc tìm hiểu và giải quyết các vấn đề thực tiễn của đời sống? - Bạn quan tâm như thế nào đến vấn đề gia tăng dân số, môi trường và tệ nạn xã hội hiện nay?
Câu hỏi bài học	- VBND được học đề cập đến vấn đề nào trong đời sống xã hội? - Vấn đề đó được triển khai qua những phương diện/ khía cạnh/ nội dung cơ bản nào? - Tác giả đã chọn hình thức nào để truyền tải nội dung đến người đọc, người nghe? Chỉ rõ những đặc sắc của hình thức đó?
Câu hỏi nội dung	Từ vấn đề đặt ra trong văn bản, em có liên hệ gì với địa phương hoặc nhà trường hoặc gia đình? (thực trạng, nguyên nhân, hậu quả và đề xuất giải pháp)

Nguyễn Thị Yên

**Phụ lục 2: Bảng kiểm quan sát đánh giá năng lực giải quyết vấn đề
trong dạy học dự án**

Trường: THCS & THPT Nguyễn Siêu

Họ tên GV: Nguyễn Thị Yên

Tên bài học/chủ đề dự án:.....

Đối tượng quan sát: HS Lớp: Nhóm:.....

Ngày tháng năm

Stt	Tiêu chí thể hiện NLGQVĐ của HS	Đánh giá mức độ phát triển NLGQVĐ/điểm đạt được				Nhận xét
		Xuất sắc 9-10	Khá 7-8	Trung bình 5-6	Chưa đạt 0-4	
1	Xác định mục tiêu, nhiệm vụ học tập của dự án					
2	Đề xuất câu hỏi định hướng nghiên cứu đề tài dự án					
3	Lập kế hoạch thực hiện dự án					
4	Đề xuất phương án GQVĐ theo yêu cầu đặt ra					
5	Thực hiện được kế hoạch hiệu quả					
6	Xác định và tìm kiếm nguồn thông tin phù hợp với đề tài dự án					
7	Xây dựng sản phẩm nghiên cứu dự án khoa học, sáng tạo					
8	Trình bày sản phẩm dự án khoa học, logic, lôi cuốn					
9	Tự đánh giá qua thực hiện sản phẩm dự án					
10	Tự điều chỉnh và vận dụng trong các tình huống học tập khác					
	Tổng điểm					

Phụ lục 3: Phiếu đánh giá sản phẩm báo cáo dự án

Trường: THCS & THPT Nguyễn Siêu

Tên nhóm:..... Lớp: 8C14

Tên đề tài dự án:.....

Hình thức sản phẩm:.....

Người đánh giá:.....

Hướng dẫn đánh giá cho điểm:

Tiêu chí	Mức độ của từng tiêu chí				Điểm
	Tốt (9-10 điểm)	Khá (7-8 điểm)	Trung bình (5-6 điểm)	Chưa đạt (0-4 điểm)	
1. Nội dung 1.1. Mục tiêu, nhiệm vụ dự án	Nêu được mục tiêu, vấn đề cần giải quyết, cách thức giải quyết thích hợp.	Nêu được mục tiêu, vấn đề cần giải quyết, cách thức giải quyết tương đối thích hợp.	Nêu được mục tiêu, vấn đề giải quyết chưa đầy đủ, cách thức giải quyết chưa phù hợp.	Nêu mục tiêu, vấn đề cần giải quyết chưa đầy đủ và chưa nêu được cách thức GQVĐ.	
1.2. Thu thập thông tin	Thu thập thông tin cập nhật phong phú, gắn với thực tiễn, phù hợp với nhiệm vụ, có nguồn gốc tin cậy, chính xác.	Thu thập thông tin đa dạng, gắn với thực tiễn, phù hợp với nhiệm vụ, có nguồn gốc nhưng chưa đầy đủ.	Thu thập thông tin phù hợp với nhiệm vụ, nhưng chưa đầy đủ, phong phú, thông tin có nguồn gốc rõ ràng.	Không thu thập đủ thông tin cần thiết để giải quyết nhiệm vụ; các thông tin không ghi nguồn gốc cụ thể.	
1.3. Xử lý thông tin, nội dung của sản phẩm	Phân tích các dữ liệu logic khoa học, có sử dụng biểu đồ, bảng biểu trình bày dữ liệu, bố cục sản phẩm chặt chẽ, khoa học, kết luận đầy đủ, phù hợp với chủ đề.	Phân tích dữ liệu chưa khoa học, sử dụng biểu bảng trình bày dữ liệu; bố cục sản phẩm chặt chẽ, chưa thật khoa học, kết luận phù hợp với chủ đề.	Phân tích ít dữ liệu thu thập được nhưng chưa logic khoa học; trình bày ở dạng thô; bố cục sản phẩm chưa khoa học, kết luận chưa đầy đủ.	Chưa phân tích các dữ liệu, không sử dụng biểu đồ, biểu bảng để xử lý thông tin; bố cục sản phẩm không chặt chẽ, chưa đưa ra được kết luận phù hợp cho đề tài dự án.	
2. Hình thức 2.1. Kết cấu nội dung	Trình bày đẹp, đầy đủ, độc đáo có cấu trúc khoa học; tiêu đề, nội dung quan trọng được làm rõ, dễ theo dõi.	Trình bày rõ ràng, cấu trúc hợp lý, chưa đầy đủ các tiêu đề và nội dung chính chưa dễ theo dõi.	Trình bày rõ ràng, chưa thật đầy đủ, cấu trúc chưa thật hợp lý, các tiêu đề, nội dung chính chưa được làm nổi bật.	Trình bày chưa rõ ràng và đầy đủ, còn lộn xộn, các nội dung chính chưa được làm rõ.	

Tiêu chí	Mức độ của từng tiêu chí				Điểm
	Tốt (9-10 điểm)	Khá (7-8 điểm)	Trung bình (5-6 điểm)	Chưa đạt (0-4 điểm)	
2.2. Hình thức trình bày	Sử dụng màu sắc hài hòa, hình ảnh sinh động, sắp xếp hợp lý, ngôn ngữ chuẩn xác không có lỗi chính tả.	Sử dụng màu sắc hài hòa, hình ảnh minh họa phù hợp, ngôn ngữ chưa chuẩn xác, mắc vài lỗi chính tả.	Sử dụng màu sắc hài hòa, có hình ảnh minh họa nhưng chưa phù hợp. Diễn đạt chưa thật rõ ý, mắc một số lỗi chính tả.	Sử dụng màu sắc chưa hài hòa, làm giảm hiệu quả, diễn đạt còn lủng củng, mắc một số lỗi chính tả.	
3. Thuyết trình, báo cáo 3.1. Ý tưởng và giới thiệu	Ý tưởng độc đáo, sáng tạo, nội dung giới thiệu sinh động, có ý nghĩa. Giới thiệu tên dự án, mục tiêu, các vấn đề cần giải quyết đầy đủ, thu hút.	Ý tưởng mới, nội dung giới thiệu hấp dẫn, có ý nghĩa. Nêu được tên dự án, mục tiêu, các vấn đề cần giải quyết rõ ràng, chưa thật đầy đủ và thu hút.	Ý tưởng mới không hấp dẫn; nội dung giới thiệu còn sơ sài. Nêu được tên dự án, mục tiêu, các vấn đề cần giải quyết chưa đầy đủ và rõ ràng.	Ý tưởng quen thuộc, không sáng tạo; nội dung giới thiệu còn sơ sài. Nêu được tên dự án, chưa nêu được mục tiêu, các vấn đề cần giải quyết trong dự án còn sơ sài.	
3.2. Trình bày nội dung	Trình bày nội dung chính đầy đủ, chi tiết, chính xác và lô gíc, gắn với chủ đề, có sáng tạo và thẩm mỹ.	Trình bày nội dung chính tương đối đầy đủ, gắn với chủ đề, có thẩm mỹ có sáng tạo.	Nội dung trình bày chưa thật đầy đủ, chính xác chưa thật gắn liền với chủ đề. Màu sắc, bố cục có thẩm mỹ.	Nội dung trình bày chưa đầy đủ, chưa gắn với chủ đề, màu sắc, bố cục thiếu thẩm mỹ.	
3.3. Thể hiện	Thu hút được khán giả bằng bài trình bày chuẩn bị chu đáo, diễn đạt trôi chảy, phối hợp hợp lý, tích cực của các thành viên trong	Bài trình bày chuẩn bị chu đáo, trôi chảy nhưng chưa lôi cuốn; có sự phối hợp tích cực giữa các thành viên nhưng chưa thật hiệu quả.	Bài trình bày chuẩn bị chưa chu đáo, trình bày đôi chỗ còn lúng túng, chỉ có một số thành viên biết phối hợp làm việc với các thành viên khác.	Bài trình bày chuẩn bị chưa tốt, trình bày còn lúng túng, thiếu tính chặt chẽ, thiếu sự phối hợp giữa các thành viên trong nhóm.	

Tiêu chí	Mức độ của từng tiêu chí				Điểm
	Tốt (9-10 điểm)	Khá (7-8 điểm)	Trung bình (5-6 điểm)	Chưa đạt (0-4 điểm)	
	nhóm.				
3.4. Minh họa	Minh họa sinh động, phù hợp và tăng hiệu quả trình bày.	Minh họa phù hợp, có hiệu quả trình bày nhưng chưa sinh động.	Ít minh họa, phần minh họa chưa làm tăng hiệu quả trình bày.	Không có minh họa; phần minh họa không phù hợp với nội dung.	
4. Sử dụng phương tiện kỹ thuật, công nghệ thông tin trong trình bày	Sử dụng thành thạo, hiệu quả phương tiện kỹ thuật và công nghệ thông tin; xử lý các tình huống, trình chiếu nhanh, chính xác.	Sử dụng khá hiệu quả phương tiện kỹ thuật kết hợp công nghệ thông tin; xử lý kịp thời các tình huống khi trình chiếu.	Sử dụng tương đối, hiệu quả các phương tiện kỹ thuật kết hợp với công nghệ thông tin; xử lý các tình huống trình chiếu còn lúng túng.	Sử dụng chưa hợp lý và hiệu quả phương tiện kỹ thuật kết hợp với công nghệ thông tin; chưa xử lý được các tình huống khi trình chiếu.	

Xếp loại kết quả theo 4 mức độ:

Mức độ tốt: Đạt từ khoảng 85-100% yêu cầu mỗi chỉ tiêu (hoặc tổng điểm đạt từ 85-100 điểm).

Mức độ khá: Đạt từ khoảng 65 - dưới 85% yêu cầu mỗi chỉ tiêu (hoặc tổng điểm đạt từ 65 - dưới 85 điểm).

Mức độ trung bình (đạt): Đạt từ khoảng 45 - dưới 65% yêu cầu mỗi chỉ tiêu (hoặc tổng điểm đạt từ 45 - dưới 65 điểm).

Mức độ yếu (chưa đạt): Đạt từ dưới 45% yêu cầu mỗi chỉ tiêu (hoặc tổng điểm từ 0 - dưới 45 điểm).